

Bản án số: 24/2019/HS-ST
Ngày 31 tháng 01 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Tư
Bà Nguyễn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2019/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST- HS ngày 18/01/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; sinh năm 1983. Tên gọi khác: Không.

- Nơi cư trú: Thôn M, xã NS, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1958; vợ là Lê Thị H, sinh năm 1989 con: Nguyễn Minh N, sinh năm 2009.

- Đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt đảng tại Chi bộ Thôn M, xã NS, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng tại Quyết định số 58-QĐ/UBND THU ngày 18/01/2019 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy Y, tỉnh Bắc Giang.)

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt quả tang ngày 17/7/2018; bị tạm giữ đến ngày 20/7/2018 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

****Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Lương Văn H, sinh năm 1990 (vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1955(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã NS, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Lê Thị H, sinh năm 1989(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã NS, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1978(vắng mặt).

Địa chỉ: Đội A, Phòng KT, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Cạn.

**Người làm chứng:*

- Anh Từ Văn T, sinh năm 2000(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TC, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Trần Thị T, sinh năm 1985(vắng mặt).

Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Lương Bảo N, sinh năm 1995(vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ĐX, xã Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 09 giờ 45 phút ngày 17/7/2018 tại khu vực Khu công nghiệp SK - NH thuộc xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, tổ công tác của cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang Nguyễn Văn T, sinh năm 1983, trú tại Thôn M, xã NS, huyện Y, tỉnh Bắc Giang có hành vi mua bán giấy tờ giả là 01 bằng trung học phổ thông mang tên Trần Văn T cho anh Lương Văn H, sinh năm 1990 ở Thôn C, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu giữ của Nguyễn Văn T: 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, màu trắng, biển kiểm soát 98A-154.16, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số Imei là 358374066027209 lắp sim số 0965.822993; 01 điện thoại di động nhãn hiệu “Buk” vỏ màu đen, có số Imei 1 là 980028001124499, Imei 2 là 980028001275994, lắp sim số 01694.919.882 và 2.000.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

- Thu giữ của Lương Văn H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu trắng, có số Imei 1 là 355134079460448, Imei 2 là 355134079460455, lắp sim số 0944.125.229; 01 bằng Trung học phổ thông mang tên Trần Văn T, sinh ngày 26/8/1984 có số hiệu bằng là 052287; 03 bản sao bằng Trung học phổ thông của Trần Văn T (đã được đóng dấu chứng thực) và 1.800.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Tổ công tác tiến hành kiểm tra xe ô tô BKS 98A-154.16 thu giữ: 01 ví da trong có 1.300.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam; 02 thẻ ngân hàng Vietcombank (01 thẻ mang tên Nguyễn Văn T, 01 thẻ mang tên Lê Thị H); 01 thẻ ngân hàng BIDV, 01 thẻ ngân hàng Agribank đều mang tên Nguyễn Văn T; 02 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Văn T (01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1; 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2); 01 giấy đăng ký xe ô tô số 029226, 01 thẻ hội viên Hội cựu chiến binh, 01 thẻ đảng viên số 77.200862 đều mang tên Nguyễn Văn T; 04 giấy chứng minh nhân dân (CMTND) gồm: 01 CMTND số 121531431 mang tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1989, trú tại: 53 HV, thành phố B, 01 CMTND số 121430636 mang tên Nguyễn Văn T, sinh năm: 1983, trú tại NS, Y, Bắc Giang, 01 CMTND số 121873565 mang tên Lê Thị H, sinh ngày 16/8/1989, trú tại: TM, Y, Bắc Giang, 01 CMTND số 186957466 mang tên Võ Văn T, sinh ngày 02/03/1989, trú tại: TN, TC, Nghệ An và 01 vỏ bì thư dịch vụ chuyển phát nhanh EMS phần người nhận ghi “Nguyễn Minh T- Bưu điện TP, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, số điện thoại người nhận 01694.919.882”.

Cùng ngày 17/7/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an tỉnh Bắc Giang đã ra lệnh khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Nguyễn Văn T, kết quả khám xét không thu giữ gì.

Ngoài ra ngày 30/7/2018 Nguyễn Văn T đã tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Ngày 18/7/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang ra quyết định trưng cầu giám định đến Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang để giám định đối với 01 bằng trung học phổ thông mang tên Trần Văn T và 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1989. Tại kết luận giám định số 925/KL- PC54 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Hình dấu mang tên “Sở giáo dục và đào tạo” trên “Bằng trung học phổ thông” đứng tên Trần Văn T đề ngày 15/8/2002 là không phải do cùng một con dấu đóng ra, được hình thành bằng phương pháp in phun màu.

Chữ ký dưới mục “Giám đốc sở giáo dục và đào tạo Bắc Giang” trên “Bằng trung học phổ thông” đề ngày 15/8/2002 là không phải do cùng một người ký ra, được hình thành bằng phương pháp in phun màu.

“Giấy chứng minh nhân dân” đứng tên Nguyễn Văn T, là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.

Đối với các giấy phép lái xe mô tô, giấy phép lái xe ô tô và giấy chứng minh thư trên, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang đã tiến hành điều tra xác minh, kết quả xác định đúng là các cơ quan quản lý đã cấp các giấy tờ trên cho người có thông tin trong giấy tờ.

Quá trình điều tra đã chứng minh được hành vi phạm tội của Nguyễn Văn T như sau: Cách ngày bị bắt quả tang khoảng 10 ngày anh Lương Văn H có ngồi uống nước tại khu vực ngã tư khu Công nghiệp SK - NH, thành phố B nghe mọi

người nói chuyện có người làm được giấy tờ giả, do hiếu kỳ nên anh H đã xin số điện thoại 01694.919.882 của T lưu vào máy. Sau đó vài ngày trên đường đi làm H có nhặt được 01 chiếc ví bên trong có 01 CMTND mang tên Trần Văn T và 01 ảnh 3x4 của Thông, H đã nảy sinh ý định đặt T làm giả bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) để xem bằng giả như thế nào. Khoảng ngày 12/7/2018 anh H dùng số điện thoại 0944.125.229 gọi điện đến số điện thoại của T để đặt làm bằng tốt nghiệp, qua trao đổi H nói với T muốn làm bằng tốt nghiệp của trường THPT Nguyễn Hồng ở thành phố Bắc Giang cho người thân để xin vào làm công nhân, T đồng ý bảo H phải cung cấp cho T CMTND và ảnh của người đó, T báo giá làm bằng giả là 3.800.000 đồng, H đồng ý và 2 bên hẹn hôm sau gặp nhau ở khu Công nghiệp SK - NH, thành phố B để giao CMTND và ảnh; khi gặp T hẹn H khoảng 1 tuần thì xong, khi nào làm được sẽ thông báo cho H, lúc đó mới thanh toán tiền. Sau đó, T đã liên lạc qua mạng xã hội zalo với nick “Gia Bảo” mà T đã kết bạn trước đó (do người này có đăng status nhận làm bằng cấp, có kèm số điện thoại trên mạng xã hội facebook) để trao đổi về việc đặt làm giả bằng tốt nghiệp THPT mang tên Trần Văn T và được người có nick zalo “Gia Bảo” đồng ý nhận làm bằng giả cho T với giá 2.200.000 đồng, T đã chụp lại giấy CMTND và ảnh của Trần Văn T gửi qua zalo cho “Gia Bảo”, đồng thời cung cấp địa chỉ để nhận bằng giả là bưu điện TP, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và số điện thoại của mình.

Đến chiều ngày 16/7/2018 T nhận được điện thoại của nhân viên bưu điện thông báo cho biết có bưu phẩm gửi về Bưu điện TP, T đã ra bưu điện TP xem qua bưu phẩm và biết đó là giấy tờ giả đặt làm gửi về nhưng vì lúc đó chưa có tiền nên T bảo nhân viên bưu điện để hôm sau quay lại lấy. Sau khi về T đã điện thoại cho Lương Văn H hẹn 08 giờ ngày 17/7/2018 xuống khu vực ngã 4 khu công nghiệp SK - NH nhận bằng tốt nghiệp đã đặt làm giả. Đến sáng ngày 17/7/2018 T đến bưu điện TP để lấy bưu phẩm và thanh toán hết 4.900.000 đồng, kiểm tra thấy có 01 bằng tốt nghiệp THPT mang tên Trần Văn T và 3 bản sao có chứng thực, T đi đến khu vực khu Công nghiệp SK - NH để giao cho H, khi gặp nhau T đưa cho H 01 bằng tốt nghiệp giả trên và 03 bản sao bằng tốt nghiệp, H đưa trước cho T 2.000.000 đồng, khi T đang đếm lại tiền, còn H đang đếm tiếp số tiền 1.800.000 đồng để đưa thì bị tổ công tác của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang thu giữ vật chứng như trên.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T còn khai nhận: Cùng thời điểm T đặt làm bằng tốt nghiệp THPT giả trên thì T cũng đặt nick zalo “Gia Bảo” làm giả cho mình 01 CMTND mang tên Nguyễn Văn T, nhưng có năm sinh 1989, nơi ĐHKHKT ở số 53 HV, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và đặt làm giả 01 bằng tốt nghiệp THPT Gang Thép Thái Nguyên cho một người phụ nữ tên H1 ở tỉnh Thái Nguyên, T chỉ nhớ tốt nghiệp năm 2001, loại khá. T thoả thuận với người tên H1 làm giả với giá 5.000.000 đồng. Về bằng tốt nghiệp giả này sau khi lấy bưu phẩm vào ngày 17/7/2018 thì T đã bàn giao cho 01 thanh niên không biết tên tuổi đến lấy hộ, còn CMTND mà T làm giả đã bị thu giữ khi bị bắt quả tang.

Như vậy qua việc làm giả bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông thì T hưởng lợi như sau: Bằng tốt nghiệp mang tên Trần Văn T, T hưởng lợi 1.600.000 đồng; bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông Gang Thép, Thái Nguyên cho người tên H1 hưởng lợi 2.800.000 đồng. Số tiền 4.900.000 đồng T thanh toán cho nhân viên bưu điện là số tiền được thanh toán tiền làm bằng giả cho người có tên H1.

Đối với Lương Văn H là người đặt T làm bằng tốt nghiệp THPT giả nhưng hành vi của H chỉ là do hiếu kỳ đặt làm, không có mục đích thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, nên cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý H là phù hợp.

Đối với những số điện thoại do Nguyễn Văn T cung cấp có liên quan đến hành vi phạm tội của T, Cơ quan cảnh sát điều tra đã T hành thu giữ thư tín, điện tín và T hành điều tra theo quy định nhưng không có căn cứ để điều tra mở rộng vụ án nên không có căn cứ xem xét xử lý.

Về vật chứng: Ngày 30/7/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang đã trả 01 chiếc xe ô tô BKS 98A-154.16 cho T và trả 01 điện thoại di động Nokia vỏ màu trắng lắp sim số 0944125229 cho Lương Văn H. Trong các ngày 24/8/2018, 18/9/2018, 12/10/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang đã trả cho T 01 giấy đăng ký xe ô tô, 01 chứng minh nhân dân cấp 13/4/2009, 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2, 01 thẻ Đảng viên, 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1, 01 ví da và 03 thẻ ngân hàng; Trả cho chị Lê Thị H (vợ T) 01 thẻ ngân hàng.

Vật chứng đã được nhập kho của Công an thành phố B gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số Imei 358374066027209 lắp sim 0965.822.993; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Buk vỏ màu đen, số Imei 1 là 980028001124499, Imei 2 là 980028001275994, lắp sim số 01694.919.882; 01 thẻ hội viên cựu chiến binh mang tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 ở MP, NS, Y; 01 CMTND tên Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 ở 53 HV, Tp Bắc Giang; 01 chứng minh tên Võ Văn T; 01 chứng minh nhân dân tên Lê Thị H và 10.100.000 đồng.

Vật chứng được lưu trong hồ sơ vụ án gồm: 01 bằng Trung học phổ thông giả mang tên Trần Văn T và 3 bản sao.

Bản cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 04/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố Nguyễn Văn T về tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa đã được hội đồng xét xử công bố lời khai trước phiên tòa, bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng

nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, đề nghị Hội đồng xét xử:

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

- Áp dụng điểm c khoản 2 và khoản 4 Điều 341, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm 04 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 04 năm 08 tháng đến 05 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho UBND xã NS, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

- Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

- Vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Buk vỏ màu đen, số Imei 1 là 980028001124499, Imei 2 là 980028001275994, lắp sim số 01694.919.882; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số Imei 358374066027209 lắp sim 0965.822.993 và số tiền 3.900.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Trả lại bị cáo số tiền 1.200.000 đồng nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Trả lại bị cáo 01 thẻ hội viên cựu chiến binh mang tên Nguyễn Văn T.

Tạm giữ lại của bị cáo số tiền 5.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 chứng minh nhân dân tên mang Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 ở 53 HV, thành phố B; 01 chứng minh nhân dân mang tên Võ Văn T; 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị H.

- Án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Phản tranh luận: Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến khiếu nại

về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tháng 7/2018, bị cáo Nguyễn Văn T có hành vi trung gian để làm giả 02 bằng Trung học phổ thông, cụ thể 01 bằng Trung học phổ thông mang tên Trần Văn T cho anh Lương Văn H, sinh năm 1990 ở Thôn C, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang và 01 bằng Trung học phổ thông cho một người phụ nữ tên H1 ở tỉnh Thái Nguyên. Ngoài ra T còn làm giả cho bản thân 01 chứng minh thư nhân dân để sử dụng.

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 17/7/2018 của Công an tỉnh Bắc Giang, Kết luận giám định số 925/KL-PC54 ngày 18/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Giang, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Chỉ vì lợi ích cá nhân mà bị cáo đã có hành vi trung gian làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm vào trật tự quản lý hành chính của nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, tổ chức gây mất ổn định trật tự về an ninh tại địa phương và dư luận quần chúng nhân dân lên án. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo cần được xử lý nghiêm trước pháp luật, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng giáo dục cải tạo riêng, vừa có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4]. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị cáo đã có thời gian tham gia trong quân đội và bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng là thương binh được Nhà nước tặng Huân chương chiến công, Huy chương kháng chiến nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Về hình phạt bổ sung bị cáo có hành vi trung gian làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức với mục đích kiếm lợi, do vậy ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[7]. Bị cáo Nguyễn Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, có xác nhận của địa phương về việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, chấp hành tốt chính sách pháp luật, có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Vì vậy, căn

cứ vào hướng dẫn tại nghị quyết số 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao, Hội đồng xét xử thấy chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo cho UBND xã, phường nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng không gây nguy hiểm cho xã hội và đủ để giáo dục bị cáo thành công dân tốt, như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8]. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T1 và chị Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra vụ án đều khai không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của Nguyễn Văn T, nay đã được cơ quan điều tra trả lại tài sản và không có yêu cầu gì về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về phần dân sự đối với ông Tăng và chị Hòa trong vụ án này.

[9]. Đối với Lương Văn H là người đặt T làm bằng Trung học phổ thông giả, nhưng hành vi của H chỉ là do hiếu kỳ đặt làm, không có mục đích thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, nên cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý đối với H là phù hợp.

[10]. Đối với anh Nguyễn Ngọc H và những người khác có số điện thoại do Nguyễn Văn T cung cấp có liên quan đến hành vi phạm tội của T, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành thu giữ thư tín, điện tín và tiến hành điều tra theo quy định của pháp luật nhưng không có căn cứ để điều tra mở rộng vụ án, nên không có căn cứ xem xét xử lý đối với những người đã sử dụng số điện thoại liên lạc với T .

[11]. Đối với người có tên trong mạng xã hội zalo với nick “Gia Bảo”, T đã kết bạn để làm bằng Trung học phổ thông giả, T khai không biết tên tuổi địa chỉ cụ thể của người này ở đâu. Quá trình điều tra vụ án Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được người đã làm bằng Trung học phổ thông giả bán cho T để xử lý.

[12]. Về xử lý vật chứng: Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Buk vỏ màu đen, số Imei 1 là 980028001124499, Imei 2 là 980028001275994, lắp sim số 01694.919.882 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số Imei 358374066027209 lắp sim 0965.822.993 bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 3.900.000 đồng (trong đó có 3.800.000 đồng là số tiền T làm bằng tốt nghiệp giả cho anh H, số tiền 100.000 đồng là tiền làm bằng tốt nghiệp giả cho người phụ nữ tên H1 còn lại). Đây là số tiền do T phạm tội mà có để sung công quỹ nhà nước.

Trả lại bị cáo số tiền 1.200.000 đồng đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Trả lại bị cáo 01 thẻ hội viên cựu chiến binh mang tên Nguyễn Văn T.

Tạm giữ lại của bị cáo số tiền 5.000.000 đồng, do bị cáo tự nguyện giao nộp để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 chứng minh nhân dân tên mang Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 ở 53 HV, thành phố B, đây là chứng minh của T làm giả; 01 chứng minh nhân dân mang tên Võ Văn T; 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị H không có giá trị sử dụng.

[13]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức".

1. Áp dụng điểm c khoản 2 và khoản 4 Điều 341, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 (Năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, giao bị cáo cho UBND xã NS, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định hoặc buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung công quỹ nhà nước.

2. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Buk vỏ màu đen, số Imei 1 là 980028001124499, Imei 2 là 980028001275994, lắp sim số 01694.919.882; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số Imei 358374066027209 lắp sim 0965.822.993 và số tiền 3.900.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

Trả lại bị cáo số tiền 1.200.000 đồng nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Trả lại bị cáo 01 thẻ hội viên cựu chiến binh mang tên Nguyễn Văn T.

Tạm giữ lại của bị cáo số tiền 5.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy 01 chứng minh nhân dân tên mang Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 ở 53 HV, thành phố B; 01 chứng minh nhân dân mang tên Võ Văn T; 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị H.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231; Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tú